

Bản án số: 51/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 16-9-2021
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI - TỈNH YÊN BÁI

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Tạ Thị Kim Anh
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phan Hoàng Thùy Linh- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Ngày 16 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục rút gọn vụ án dân sự thụ lý số: 204/2021/TLST- HNGĐ ngày 26-8-2021 về việc: Ly hôn và tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục rút gọn số: 62/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06-9-2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Vũ Thu T, sinh năm 199x

2. *Bị đơn:* Anh Bùi Ngọc B, sinh năm 199x

Cùng địa chỉ: Tổ x, phường N, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Các đương sự cùng có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25-8-2021, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Vũ Thu T trình bày:

Chị và anh Bùi Ngọc B đăng ký kết hôn ngày 18-01-2018 tại UBND phường N, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 8-2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình vợ chồng không hòa hợp, đặc biệt thời gian gần đây anh B hay uống rượu, mỗi lần say có nhiều lời nói và hành động thiếu kiềm chế dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Mâu thuẫn đã được hai bên và gia đình hòa giải nhưng không được. Chị T và anh B đã sống ly thân từ tháng 8-2021 đến nay, không ai còn quan tâm đến ai nữa. Hiện chị T đã đưa con về sống tại nhà bố mẹ đẻ. Chị T xác định tình cảm vợ chồng đã hết, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B.

Về con chung: Chị T xác nhận vợ chồng có một con chung là Bùi Yên N1, sinh ngày 02-8-2019. Chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N1 và yêu

cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con số tiền là 1.500.000 đồng/ tháng kể từ tháng 9-2021 cho đến khi cháu N1 đủ 18 tuổi.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai có trong hồ sơ và tại phiên tòa, bị đơn anh Bùi Ngọc B trình bày:

Về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn như chị T trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 8-2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân một phần do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, một phần do khó khăn về kinh tế. Thời gian gần đây, anh thừa nhận do công việc nên cũng hay uống rượu, sau khi về nhà giữa vợ chồng có lời qua tiếng lại nên đã phát sinh cãi vã. Tuy nhiên, anh cho rằng đó chỉ là những mâu thuẫn nhỏ nhất trong cuộc sống, chưa đến mức phải ly hôn. Bản thân anh xác định tình cảm với chị T vẫn còn, gia đình hai bên nội ngoại cũng đã nhiều lần động viên, hàn gắn tình cảm, mong muốn chị T suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ, cùng nhau nuôi dạy con nhỏ nhưng chị T không đồng ý. Nay chị T vẫn cương quyết ly hôn thì anh cũng chấp nhận.

Về con chung: Anh B xác nhận vợ chồng có một con chung là Bùi Yên N1, sinh ngày xx-xx-2019. Trong trường hợp ly hôn, anh đồng ý giao cháu N1 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và anh cấp dưỡng nuôi con số tiền là 1.500.000 đồng/ tháng kể từ tháng 9-2021 cho đến khi cháu N1 đủ 18 tuổi.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; Bị đơn anh Bùi Ngọc B có hộ khẩu thường trú tại tổ x, phường N, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Sau khi nộp đơn khởi kiện, chị Vũ Thu T có ý kiến không đồng ý lựa chọn hòa giải nên đơn khởi kiện được xử lý theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Xét thấy, vụ án có đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 317 Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án theo thủ tục rút gọn.

[2] Về hôn nhân: Chị Vũ Thu T và anh Bùi Ngọc B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường N, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái ngày 18-01-2018 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết, anh

chị đều thừa nhận sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 8-2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Chị T và anh B đã sống ly thân từ tháng 8-2021, không ai còn quan tâm đến ai.

Tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành hòa giải theo quy định nhưng không thành. Chị T xác định tình cảm vợ chồng đã hết, vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh B. Anh B xác định tình cảm vẫn còn, mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Quá trình tranh tụng, anh thừa nhận bản thân dù đã cố gắng song không có giải pháp gì để hàn gắn tình cảm với chị T, nay chị T cương quyết ly hôn thì anh cũng chấp nhận. Như vậy, có căn cứ cho thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh B đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ, do đó, cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T, cho chị T được ly hôn anh B.

[3] Về con chung: Chị T và anh B có một con chung là Bùi Yên N1, sinh ngày xx-xx-2019. Chị T và anh B đều đề nghị giao cháu N1 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và anh B cấp dưỡng nuôi con số tiền là 1.500.000 đồng/tháng kể từ tháng 9-2021 cho đến khi cháu N1 đủ 18 tuổi. Xét thấy, đề nghị của chị T và anh B là tự nguyện, không trái với quy định pháp luật, cần chấp nhận.

[4] Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh B đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn; Anh B phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

[6] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Căn cứ vào Điều 65, Điều 147, Điều 320, Điều 322 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 110; Điều 116; Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 2 Điều 6; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Vũ Thu T được ly hôn anh Bùi Ngọc B.

2. Về con chung: Giao cho chị Vũ Thu T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bùi Yên N1, sinh ngày xx-xx-2019. Anh Bùi Ngọc

B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền là 1.500.000 đồng/tháng kể từ tháng 9-2021 cho đến khi cháu N1 đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi.

Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, chị T có đơn yêu cầu thi hành án mà anh B chưa thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng nuôi con thì anh B còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm trả, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí: Chị Vũ Thu T phải chịu 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2017/0009339 ngày 26-8-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Chị T được trả lại 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Anh Bùi Ngọc B phải chịu 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con. Anh B chưa nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 07 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ;
- VKSND tp.Yên Bái;
- THADS tp. Yên Bái;
- Các đương sự;
- UBND p. N;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(*Đã ký*)

Tạ Thị Kim Anh